

Số: 388 /2020/QĐST-VDS

Châu Thành, ngày 18 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 569/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Trần Thanh N sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp Đ xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. Anh Nguyễn Thành N sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thanh N và anh Nguyễn Thành N chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 09/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận. Sau thời gian chung sống, tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp và đã sống ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay. Nên hai anh chị không thể hàn gắn để chung sống trở lại.

Xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị N và anh N cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị N được trực tiếp nuôi con là Nguyễn Trần Gia H sinh ngày 18/02/2017, mỗi tháng anh N cấp dưỡng nuôi con cho chị N là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 01/12/2020 cho đến khi cháu Hưng tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[4] Về nợ chung: Hai bên thừa nhận không có nên không xét đến.

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị N và anh N phải chịu.
Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thanh N và anh Nguyễn Thành N.

- Về con chung: Chị N được trực tiếp nuôi con là Nguyễn Trần Gia H sinh ngày 18/02/2017 mỗi tháng anh N cấp dưỡng nuôi con cho chị N là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 01/12/2020 cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi.

- Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể giải quyết hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

- Nợ chung: Hai bên thừa nhận không có, nên không xét đến.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N và anh N phải chịu, anh chị thỏa thuận trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001573 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh chị đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAT (Phòng kiểm tra);
- UBND xã Tân Thạch, H. Châu Thành
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Quốc Tuấn